

Số : 056/QĐ-THLHP

Hồng Phong, ngày 31 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách và nguồn thu - chi ngoài ngân sách quý 4 năm 2020 của trường tiểu học Lê Hồng Phong

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ HỒNG PHONG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-PGD&ĐT ngày 24/12/2019 của phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều “Về việc giao dự toán ngân sách năm 2020”;

Căn cứ Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại Kho bạc nhà nước quý 4 năm 2020 và sổ sách kế toán nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán thu-chi ngân sách và nguồn thu - chi ngoài ngân sách quý 4 năm 2020 của trường tiểu học Lê Hồng Phong (đính kèm biểu số 03)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám hiệu nhà trường và các bộ phận có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận :

- BGH nhà trường;
- Như Điều 3;
- Lưu.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Ngọc Lê

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRƯỜNG TH LÊ HỒNG PHONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chương: 622

Đông Triều, ngày 31 tháng 01 năm 2021

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV NĂM 2020

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị

dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường TH Lê Hồng Phong công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 1/cả năm như sau:

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Thực hiện quý 4 năm 2020	Thực hiện quý 4/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 4 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp NS phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Học phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	3,964,000,003	1,061,087,005	26.77	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3,964,000,003	1,061,087,005	26.77	
	Trong đó:				
	Chi thanh toán cho cá nhân	3,260,000,000	965,930,669	30	
	Mục 6000: Tiền lương	1,720,000,000	457,516,422	27	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	880,000,000	236,916,460	27	
	Mục 6200: Tiền thưởng	20,000,000	0	-	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	-	3,615,000	-	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	640,000,000	123,589,987	19	
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho	-	144,292,800		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	668,000,003	90,532,236	14	
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	72,000,000	16,635,444	23	
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	130,000,000	36,745,192	28	
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	24,000,000	4,686,000	20	
	Mục 6650: Hội nghị	12,000,000	0		
	Mục 6700: Công tác phí	40,000,000	11,210,000	28	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	100,000,000	21,255,600	21	
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ	130,000,000	0	-	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Thực hiện quý 4 năm 2020	Thực hiện quý 4/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 4 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	20,000,000	0	-	
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	140,000,000	59,340,000	42	
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	-	13,000,000		
	Các khoản chi khác	36,000,000	4,624,100	13	
	Mục 7750: Chi khác	36,000,000	4,624,100	13	
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	111,194,000	111,194,000	100	
	Trong đó:				
	Chi thanh toán cho cá nhân	31,194,000	31,194,000	100	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	27,394,000	27,394,000	100	
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho	3,800,000	3,800,000	100	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	80,000,000	80,000,000		
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	48,500,000	48,500,000		
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ	31,500,000	31,500,000		
C	Thu-chi các quỹ ngoài ngân sách				
	Phản thu:		405,039,000		
1	Tiền Tin học		55,620,000		
2	Tiền học Tiếng Anh NN		172,592,000		
3	Tiền học Tiếng Anh lớp 1, 2		20,664,000		
4	Tiền chăm sóc bán trú		119,431,000		
5	Tiền nước uống		21,142,000		
6	Tiền vệ sinh chung		15,590,000		
7	Tiền ăn, chất đốt		275,712,500		
8	Tiền trông xe đạp		10,530,000		
9	Tiền học giáo dục kỹ năng sống		130,560,000		
10	Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu		0		
	Phản chi		791,120,800		
1	Quỹ tin học		41,325,200		
	- Chi trả tiền công dạy, công tác quản lý, vệ sinh, tiền điện, sửa chữa...		41,325,200		
2	Quỹ tiếng Anh nước ngoài		161,200,600		
	- Chi trả tiền công dạy, công tác quản lý, vệ sinh, tiền điện, sửa chữa...		161,200,600		
3	Quỹ tiếng Anh lớp 1, 2		19,024,400		
	- Chi trả tiền công dạy, công tác quản lý, vệ sinh, tiền điện, sửa chữa...		19,024,400		
4	Quỹ Chăm sóc bán trú		119,454,000		
	- Chi tiền công cấp dưỡng, trông trưa, quản lý, tiền điện, nước...		119,454,000		
5	Quỹ nước uống		21,142,000		
	- Chi trả tiền nước uống, công vận chuyển, mua khăn lau		21,142,000		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Thực hiện quý 4 năm 2020	Thực hiện quý 4/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 4 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
6	Quỹ vệ sinh chung		15,590,000		
	- Chi trả tiền công vệ sinh lớp học, mua giấy vệ sinh		15,590,000		
7	Quỹ ăn bán trú		277,287,500		
	- Chi trả tiền lg thực, thực phẩm, ga ...		277,287,500		
8	Quỹ trông xe đạp		10,520,000		
	- Chi trả tiền công, quản lý, vật dụng ...		10,520,000		
9	Quỹ Kỹ năng sống		124,084,200		
	- Chi trả tiền công dạy, công tác quản lý, vệ sinh, tiền điện, sửa chữa...		124,084,200		
10	Quỹ CSSKBD		20,517,300		
	- Chi mua vật tư, dụng cụ y tế		20,517,300		
	Tồn quỹ		53,702,600		
1	Tiền Tin học		25,814,800		
2	Tiền học Tiếng Anh NN		13,842,400		
3	Tiền học Tiếng Anh lớp 1, 2		7,559,600		
4	Tiền chăm sóc bán trú		0		
5	Tiền nước uống		0		
6	Tiền vệ sinh chung		0		
7	Tiền ăn, chất đốt		0		
8	Tiền trông xe đạp		10,000		
9	Tiền học giáo dục kỹ năng sống		6,475,800		
10	Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu		0		

Lập biểu

Nguyễn Xuân Chiến

Hồng Phong, ngày 31 tháng 01 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
TIỂU HỌC
LÊ HỒNG PHONG

Nguyễn Thị Ngọc Lê